

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **442/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/09/2024

V/v: “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà

Bà Đặng Thị Phương Hạnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luân - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà
Đỗ Thị Ly - Kiểm sát viên.

Ngày **12** tháng **09** năm **2024**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình về “Ly hôn, nuôi con” thụ lý số: 325/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/07/2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/08/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký HKTT: thôn P, xã P, huyện C, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện C, TP Hà Nội.

* **Bị đơn:** Anh Trần Văn N, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký HKTT: thôn P, xã P, huyện C, Thành phố Hà Nội.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 – Công an T2.

Tại phiên tòa: Chị Phạm Thị T có mặt; anh Trần Văn N xin được vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn - Chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn N kết hôn năm 2015 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh N tại thôn P, xã P, huyện C.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N chơi bời và xa vào tệ nạn xã hội, chị T đã khuyên anh N nhiều lần nhưng anh N không từ bỏ được và hiện anh N bị bắt và bị xét xử vì có hành vi “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh N có 02 (*Hai*) con chung là: Trần Tuấn D, sinh ngày 11/02/2016 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 06/06/2017.

Hiện nay con chung là Trần Tuấn D và Trần Tiến Đ đang ở cùng bố đẻ anh N. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con là Trần Tiến Đ còn chị dành quyền nuôi con chung là Trần Tuấn D cho anh N.

Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung do anh N đang chấp hành án phạt tù do phạm tội liên quan đến ma túy.

Hiện nay, chị T đang làm công nhân tại Công ty M tại khu Công nghiệp P, huyện C có thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

* *Tại bản tự khai của anh Trần Văn N tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ ngày 29/08/2024. Bị đơn - Anh Trần Văn N trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Trần Văn N thừa nhận thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nơi vợ chồng chung sống sau khi kết hôn như chị T trình bày. Anh N thừa nhận, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 09/2023 và anh N hiện đang phải chấp hành án phạt tù. Nay chị T xin ly hôn, anh N đồng ý ly hôn với chị T. Anh N yêu cầu chị T để anh N được nuôi dưỡng cả 02 con chung, nếu chị T không đồng ý để anh N nuôi dưỡng cả 02 con chung thì anh N không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh N thừa nhận vợ chồng có 02 (*Hai*) con chung là: Trần Tuấn D, sinh ngày 11/02/2016 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 06/06/2017. Hiện anh N đang phải chấp hành án nhưng anh N vẫn có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn ghi nguyện vọng của con chung: Con chung là cháu Trần Tuấn D có nguyện vọng được anh Trần Văn N nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa: Chị Phạm Thị T có quan điểm giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn N; hiện anh N đang phải chấp hành án phạt tù nên chị T đồng ý nhận nuôi dưỡng cả 02 con chung, khi anh N chấp hành án xong thì chị T và anh N sẽ thống nhất với nhau về việc người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung; anh N xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; chị Phạm Thị T và anh Trần Văn N chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T và cho chị T được ly hôn anh Trần Văn N; *về con chung:* Đề nghị giao 02 con chung là: Trần Tuấn D, sinh ngày 11/02/2016 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 06/06/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc cho đến khi có quyết định khác; *về tài sản chung, công sức, công nợ:* Không xem xét; *về án phí:* Chị Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn N đều có hộ khẩu thường trú tại: thôn P, xã P, huyện C, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[1.2] Về sự vắng mặt của anh Trần Văn N: Anh Trần Văn N do đang phải chấp hành án phạt tù và đã có ý kiến xin được xét xử vắng mặt. Anh N đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình nên việc vắng mặt anh N tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn N kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa chị T và anh Nghĩa l hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và do anh N xa vào tệ nạn xã hội và đã ly thân với nhau từ tháng 09/2023, anh N cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 09/2023 và hiện anh N đang phải chấp hành án phạt tù về tội liên quan đến ma túy. Nay chị T xin ly hôn anh N, anh N có quan điểm nếu chị T để cho anh N được nuôi dưỡng cả 02 con chung thì anh N đồng ý ly hôn, nếu không được nuôi cả 02 con chung thì anh N không đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn N đã ly thân được một thời gian, trong thời gian ly thân cả hai đều không có giải pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, anh N hiện đang phải chấp hành án phạt tù. Nay chị T cương quyết xin ly hôn với anh N nên cần xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh Nghĩa l trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T và cho chị T được ly hôn anh N để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] *Về con chung*: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn N có 02 (*Hai*) con chung là: Trần Tuấn D, sinh ngày 11/02/2016 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 06/06/2017. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con là Trần Tiến Đ và dành quyền nuôi con chung là Trần Tuấn D cho anh N. Anh N có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Xét thấy: Anh Trần Văn N hiện đang phải chấp hành án phạt tù với thời hạn 08 (*T1*) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” (theo Bản án Hình sự sơ thẩm số: 109/2024/HS-ST ngày 29/08/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội). Do vậy, anh N không đủ điều kiện nuôi con chung. Do vậy, cần giao cho chị T nuôi dưỡng cả 02 con chung là Trần Tuấn D và Trần Tiến Đ. Trong trường hợp anh N chấp hành án xong mà có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung thì anh N và chị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc “*Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn*” bằng một vụ kiện khác.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Anh Trần Văn N hiện đang phải chấp hành án phạt tù, không đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung nên anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Trần Văn N cho đến khi có yêu cầu.

[2.4] *Về tài sản chung, công sức, công nợ*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị T và anh Trần Văn N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] *Về án phí*: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị T và cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Trần Văn N.

[2]. Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn N có 02 (Hai) con chung là: Trần Tuấn D, sinh ngày 11/02/2016 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 06/06/2017.

Giao 02 con chung là Trần Tuấn D và Trần Tiến Đ cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 02 con chung là Trần Tuấn D và Trần Tiến Đ tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định khác.

Anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Trần Văn N cho đến khi có yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung: Không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị Phạm Thị T đã nộp 300.000 đồng (theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số: 0002223 ngày 17 tháng 07 năm 2024) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Văn N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhân:

- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Phú Nghĩa (Số:40/2015);
- Các đương sự;
- Lưu HSV/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long